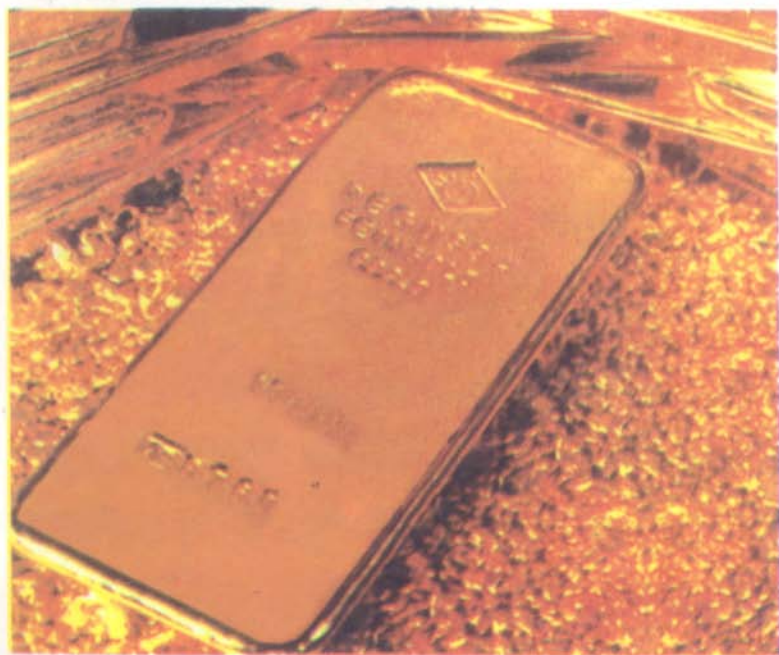


TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
CHỦ BIÊN: PGS. TS NGUYỄN ĐĂNG DỜN

TIỀN TỆ NGÂN HÀNG

CURRENCY - BANK



CURRENCY - BANK



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

*

TIỀN TỆ-NGÂN HÀNG



Tập thể tác giả

- PGS-TS NGUYỄN ĐĂNG DỠN
- TS HOÀNG ĐỨC
- TS TRẦN HUY HOÀNG
- TH.S TRẦN XUÂN HƯƠNG

NIHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2004

LỜI NÓI ĐẦU

Tiền tệ – Ngân hàng là môn lý luận cơ sở, giữ một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của các trường đại học khối kinh tế tài chính ở Việt Nam.

Nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở thiết kế mục tiêu chương trình đào tạo vừa khoa học vừa phù hợp với thực tiễn, chúng tôi đã tổ chức biên soạn lại cuốn sách này.

Tập thể tác giả tham gia biên soạn cuốn sách này gồm :

- PGS-TS Nguyễn Đăng Dờn, Trưởng bộ môn kinh doanh tiền tệ, chủ biên và tham gia viết các chương I, II, III và IV, V, VI, VII, IX.

- TS Hoàng Đức, Trưởng khoa Đào tạo Tại chức, đồng tác giả chương I, II, IV.

- TS Trần Huy Hoàng, Giảng viên chính, đồng tác giả chương III, IV và V.

- ThS. Trầm Xuân Hương, Giảng viên, đồng tác giả chương VII, VIII và IX.

Cuốn sách này là tài liệu tham khảo có giá trị trong lĩnh vực Tiền tệ – tín dụng – ngân hàng.

Mặc dù các tác giả đã tận tâm và có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để kịp thời bổ sung, chỉnh lý cho lần tái bản tới.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc.

Các tác giả.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ VÀ LƯU THÔNG TIỀN TỆ

I.- NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA TIỀN TỆ.

1.- Nguồn gốc của tiền tệ.

Khi nền sản xuất và trao đổi hàng hóa đã phát triển tới một trình độ nhất định, thì giá trị của hàng hóa mới được biểu hiện bằng tiền – tức là mới có sự ra đời của tiền tệ. Tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của các hình thái giá trị. Từ hình thái giá trị giản đơn, là hình thái ban đầu và đơn giản nhất, mà ai cũng có thể thấy được đến hình thái giá trị mở rộng, qua hình thái giá trị chung và cuối cùng là hình thái tiền tệ.

* Hình thức giá trị giản đơn :

Trong hình thái giá trị giản đơn, giá trị (tương đối) của một vật được biểu hiện ở giá trị sử dụng của một vật khác duy nhất đóng vai trò vật ngang giá “đơn nhất” bộc lộ 3 đặc điểm:

- Giá trị sử dụng trở thành hình thái biểu hiện của giá trị.
- Lao động cụ thể trở thành hình thái biểu hiện của lao động trừu tượng.
- Lao động tư nhân trở thành lao động xã hội trực tiếp.

C. Mác cho rằng : "Hình thái giá trị tương đối và hình thái vật ngang giá là 2 mặt liên quan với nhau không tách rời được nhau nhưng đồng thời là 2 cực đối lập nhau và không dung hòa nhau, nghĩa là 2 cực của cùng một biểu hiện giá trị"⁽¹⁾. Hình thái giá trị giản đơn (hay ngẫu nhiên) là mầm

(¹). C. Mác Tư bản, Quyển I, tập 1, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1976, trang 218.

mống phôi thai của hình thái giá trị - tiền tệ, còn hàng hóa - vật ngang giá “đơn nhất” là mầm mống của tiền tệ.

*** Hình thái giá trị mở rộng :**

Xuất hiện sau khi cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ nhất xảy ra, khác cơ bản so với hình thái giá trị giản đơn. Ở hình thái giá trị mở rộng, giá trị của một vật không phải được biểu hiện ở giá trị sử dụng của một vật mà là được biểu hiện ở giá trị sử dụng của hàng hóa khác có tác dụng làm vật ngang giá. Đây là những vật ngang giá “đặc thù”. Những vật ngang giá đặc thù tồn tại song song với nhau và đều có quyền lực như nhau trong vai trò vật ngang giá.

Hình thái giá trị mở rộng, là một bước phát triển mới, tiến bộ so với hình thái giá trị giản đơn, song bản thân nó cũng bộc lộ nhiều thiếu sót :

- *Một là* : Biểu hiện tương đối của giá trị một hàng hóa chưa được hoàn tất vì có nhiều hàng hóa làm vật ngang giá và có thể kéo dài vô tận.

- *Hai là* : Các hàng hóa biểu hiện cho giá trị của một hàng hóa là không thuần nhất, và hết sức rời rạc.

- *Ba là* : Nếu giá trị tương đối của mỗi hàng hóa đều biểu hiện ra trong hình thái mở rộng này, thì hình thái giá trị tương đối của mỗi hàng hóa sẽ là một chuỗi biểu hiện giá trị vô cùng vô tận, khác với hình thái giá trị tương đối của bất kỳ một hàng hóa nào khác.

C. Mác cho rằng : “Có bao nhiêu hàng hóa thì có bấy nhiêu chuỗi khác nhau và vô cùng vô tận về biểu hiện giá trị”⁽²⁾

(²) C. Mác, Tư bản, Quyển I, tập 1, NXB Sự Thật, Hà nội, 1962, trang 95

*** Hình thái giá trị chung :**

Hình thái giá trị chung xuất hiện là tất yếu để khắc phục những thiếu sót nói trên của hình thái giá trị mở rộng. Hình thái này xuất hiện khi xảy ra cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ hai. Trong hình thái giá trị chung tất cả các hàng hóa biểu hiện giá trị của mình ở một hàng hóa đóng vai trò vật ngang giá. Như vậy, tính chất của hình thái giá trị đã thay đổi bởi vì các hàng hóa biểu hiện giá trị của chúng một cách đơn giản và thống nhất và do vậy nó trở thành hình thái giá trị phổ biến – một hình thái giá trị như vậy sẽ được xã hội thừa nhận với sự xuất hiện của vật ngang giá “phổ biến” làm cho quá trình trao đổi trở nên thuận tiện hơn, đơn giản hơn đó là điều kiện quan trọng để thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển.

Cũng cần phải chú ý rằng ở hình thái giá trị chung, người ta không trao đổi sản phẩm hàng hóa trực tiếp như ở hình thái giá trị giản đơn và hình thái giá trị mở rộng mà trao đổi một cách gián tiếp thông qua vật ngang giá chung.

*** Hình thái giá trị – tiền tệ :**

Vật ngang giá chung trong hình thái giá trị chung được chọn tùy theo tập quán địa phương mang ý nghĩa tượng trưng như lông thú, da thú, vỏ sò, chè khô, vòng đá (hóa tệ)... những vật này có thể trao đổi trực tiếp với nhiều hàng hóa khác. Nhưng khi lực lượng sản xuất phát triển, thị trường càng mở rộng thì tình trạng có nhiều vật ngang giá chung gây khó khăn cho lưu thông trao đổi hàng hóa, thì chính những vật ngang giá chung này lại đấu tranh bài trừ và gạt bỏ lẫn nhau. Vật ngang giá chung bằng kim loại thay thế dần vật ngang giá chung khác và trong những vật ngang giá chung bằng kim loại thì bạc và sau đó là vàng đã chiếm ưu thế tuyệt đối ; nó gạt bỏ tất cả những vật ngang giá khác để “độc chiếm” vật

ngang giá chung. Chỉ đến lúc này thì hình thái giá trị tiền tệ mới được xác lập và vàng với tư cách là vật ngang giá chung đã trở thành tiền tệ. Hình thái giá trị – tiền tệ xuất hiện sau cuộc đại phân công lao động lần thứ 3. Ngành Thương nghiệp và thương nhân ra đời điều đó chứng tỏ sự ra đời của tiền tệ gắn liền với sự phát triển của sản xuất trao đổi hàng hóa.

2.- Bản chất của tiền tệ:

Như vậy tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình trao đổi và sự phát triển của các hình thái giá trị. Tiền tệ ra đời làm cho thế giới hàng hóa được phân làm 2 cực, một phía là các hàng hóa thông thường, còn một phía là hàng hóa đặc biệt – hàng hóa tiền tệ. Từ sự phân tích nói trên cho thấy bản chất của tiền tệ, bản chất đó là : Tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung để đo lường và biểu hiện giá trị của tất cả các hàng hóa khác để làm phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán và tích lũy giá trị cho mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội.

Tiền tệ là sản phẩm tự phát và tất yếu của nền kinh tế hàng hóa. Tiền tệ là một phạm trù kinh tế – lịch sử gắn liền với sự phát sinh phát triển và tồn tại của nền sản xuất và trao đổi hàng hóa. Ở đâu có tồn tại sản xuất và trao đổi hàng hóa thì ở đó sẽ có sự tồn tại của tiền tệ.

Tiền tệ không chỉ là một vật thể đơn thuần vô tri, vô giác, mà nó còn chứa đựng và biểu hiện các quan hệ xã hội -- đó là quan hệ giữa người với người trong các chế độ xã hội còn tồn tại sản xuất và trao đổi bằng hàng hóa. Tiền tệ nằm trong tay giai cấp nào nó sẽ phục vụ cho mục đích và quyền lợi của giai cấp đó.

3.- Hình thức của tiền tệ.

Trong lịch sử của mình, tiền tệ tồn tại dưới 3 hình thức :

3.1-Tiền tệ – Hàng hóa (Hóa tệ) : Hóa tệ được hiểu theo hai nghĩa :

Một là : Bản thân tiền tệ là một hàng hóa, có giá trị và có giá trị sử dụng như các hàng hóa khác.

Hai là : Hàng hóa này thuộc loại hàng hóa “đặc biệt”, được một nhóm người, một quần thể xã hội, hoặc toàn bộ xã hội thừa nhận làm “vật ngang giá” để làm cho hành vi trao đổi thuận lợi.

Hóa tệ cũng được tồn tại gồm nhiều loại với phạm vi sử dụng trao đổi ngày càng được mở rộng và hoàn thiện dần như vòng đá, lông da thú, ngọc trai, muối, chè khô, thanh kim loại, vòng bạc, vàng miếng và cuối cùng là đồng tiền Bạc, đồng tiền Vàng. Hóa tệ đã có từ thời Trung cổ cho đến thế kỷ thứ XII sau công nguyên, và hiện nay vẫn còn tồn tại trong giao dịch thanh toán tuy không còn danh nghĩa là tiền tệ như trước.

3.2- Tiền tệ – Tín dụng (Tín tệ) : Đồng tiền được sử dụng trên cơ sở lấy Hóa tệ sử dụng trong lưu thông có nhiều khiếm khuyết như chi phí vận chuyển bảo quản lớn, chi phí kiểm tra, phân loại nhiều và rất khó khăn; ngoài ra hóa tệ còn dễ bị bào mòn tự nhiên làm giảm giá trị đồng tiền. Tín tệ ra đời nhằm khắc phục những khiếm khuyết đó. Các loại tiền tín dụng phát hành bởi các Ngân hàng thương mại từ hồi thế kỷ XII, XIII (kỳ phiếu ngân hàng) đã có tác dụng rất to lớn, dần dần quyền phát hành tiền ngân hàng được tập trung vào những ngân hàng lớn, và sau đó là quyền của những ngân hàng cực lớn với sự xuất hiện của NHTW thì tín tệ trở thành loại tiền lưu thông chủ yếu hiện nay.

Lịch sử lưu thông giấy bạc ngân hàng cho thấy có 2 loại :

- Một loại gọi là *Tín tệ khả hoán* (Convertible Money) là loại giấy bạc ngân hàng được chuyển đổi ra vàng một cách tự do theo giá trị danh nghĩa của tiền giấy theo hàm lượng vàng mà nó đại diện.

Ví dụ :

Ở Mỹ trước năm 1931 – 1 USD có hàm lượng vàng giá 1,5042 gam vàng – cứ 20,6 USD có thể đổi lấy 1 lượng vàng (1 ounce vàng).

Tín tệ khả hoán gắn liền với hệ thống bản vị vàng hoặc bản vị Hối đoái vàng – Hệ thống này (bản vị vàng) đã bị bãi bỏ về mặt pháp lý từ tháng 12/1971 sau sự kiện USD phá giá 7,89% và ngưng chuyển đổi ra vàng theo tuyên bố của Tổng thống Hoa Kỳ.

- Một loại khác gọi là *Tín tệ pháp định* :

Đây cũng là loại tiền quy ước được lưu thông dựa vào niềm tin như Tín tệ khả hoán. Tuy nhiên, loại này không được chuyển đổi ra vàng, mà nó được lưu thông theo quy định của pháp luật, mang tính chất bắt buộc. Tiền giấy hiện đang lưu thông các nước trên thế giới hiện nay đều thuộc loại này – Tín tệ pháp định.

3.3- Tiền tệ – Kế toán (Tiền ghi sổ) :

Tiền chuyển khoản (tiền ghi sổ) không tồn tại dưới dạng vật chất như Hóa tệ, hay Tín tệ mà nó tồn tại trên tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng – mặc dù tồn tại trên tài khoản nhưng tiền ghi sổ vẫn thể hiện “Giá trị” thật của nó

nghĩa là nó được sử dụng để giao dịch, thanh toán một cách bình thường. Trong điều kiện công nghệ ngân hàng hiện đại như ngày nay, thì tiền ghi sổ ngày càng được ưa chuộng và có ưu điểm vượt trội so với các loại tiền khác.

Ngoài việc sử dụng tiền ghi sổ qua tài khoản tiền gửi tại ngân hàng. Tiền ghi sổ còn tạo cơ hội để chủ tài khoản sử dụng các thẻ tín dụng, thẻ thanh toán... mang lại tiện ích to lớn và an toàn văn minh cho xã hội.

II.- CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ.

1.- Thước đo giá trị (Standard of Value).

Thước đo giá trị là chức năng cơ bản thứ nhất của tiền tệ thông qua giá trị của mình để đo lường và biểu hiện giá trị cho các hàng hóa khác và chuyển giá trị của hàng hóa thành giá cả hàng hóa.

Thực hiện chức năng thước đo giá trị, tiền tệ trở thành một “tiêu chuẩn” để đo lường hao phí lao động xã hội kết tinh trong các hàng hóa, vì vậy tiền tệ phải có những đặc điểm (hay điều kiện) sau đây:

- Tiền phải có giá trị - đây là điều kiện quan trọng hàng đầu, bởi vì nếu tiền không có giá trị thì không thể trở thành “tiêu chuẩn” để so sánh với giá trị hàng hóa được. “Giá trị” của tiền tệ có thể được hiểu là giá trị tự nó – như tiền đúc bằng Bạc bằng Vàng. Cũng có thể hiểu là giá trị quy ước, giá trị pháp định, được mọi người trong xã hội thừa nhận.

- Tiền cần có tiêu chuẩn giá cả: bao gồm các nội dung: đơn vị tiền tệ, tên gọi đồng tiền, phần chia nhỏ (hay bội số và ước số của đơn vị tiền tệ). Tất cả những điểm này đều phải được quy định bởi pháp luật của Nhà nước.